

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 4

Mục 7: CHỈ RÕ SỰ TIẾP TỤC GIẢ DỐI SINH RA VÀ CÁC ĐẠI KHÔNG NGĂN NGẠI LẦN NHAU

Đoạn 1: Tôn Giả Mãn-Từ Khen Ngợi Phật Và Trình Bày Chỗ Nghi

Chánh văn:

Bấy giờ, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, đầu gối phải chầm đất, chấp tay cung kính bạch Phật:

- Đức Thế Tôn có oai đức lớn, khéo vì chúng sinh diễn bày Đệ nhất nghĩa đế của Như Lai, Đức Thế Tôn thường cho trong những người thuyết pháp, con là bậc nhất, song nay con nghe pháp âm nhiệm mầu của Như Lai, cũng như người điếc cách xa trăm bước nghe tiếng muỗi, mòng, vốn đã không thấy, hướng nữa lại nghe. Tuy Phật chỉ rõ, khiến cho con trừ được lầm lạc, nhưng con chưa rõ chỗ rốt ráo, không còn nghi hoặc của nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn! Như A-nan tuy được khai ngộ, nhưng chưa trừ hết tập khí hữu lậu, còn đám chúng con là những người đã lên đến bậc vô lậu trong hội này, tuy đã được hết các lậu, nhưng nay nghe pháp âm của Như Lai vừa dạy, còn mắc phải những điều nghi hối.

*** Chú thích:**

Sau khi Phật đã thu năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, bầy đại về Như Lai tằng tánh, các vị có căn cơ Đại thừa đều nhận rõ tâm tánh viên mãn sáng suốt và đã phát nguyện độ sinh thành Phật. Nhưng trong lúc ấy, các vị định tánh Thanh văn còn mắc mứu pháp chấp về cái chân đối với cái vọng, vẫn chưa lãnh hội được chỗ Phật muốn chỉ, do đó Tôn giả Mãn-từ mới có những câu hỏi để trừ điều nghi hoặc cho các hàng định tánh Thanh văn, đồng thời cũng xét trừ những điều lầm nhỏ nhiệm cho các vị mới chứng được tâm tánh.

Tôn giả Mãn-từ tức là Tôn giả Phú-lâu-na, là vị đệ tử thuyết pháp

hay nhất của Phật. Sau khi tán thán, đã khéo vì chúng sinh diễn bày Đệ nhất nghĩa đế của Như Lai, chính nơi tâm sinh mà chỉ ra tâm thường trụ, Tôn giả Mãn-từ trình bày những chỗ chưa hiểu thấu và còn nghi hoặc của mình, mong cầu Phật giải đáp.

Đoạn 2: Thiết Lập Hai Điều Nạn Hỏi

Chánh văn:

Bạch Thế Tôn! Nếu như hết thấy các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v... trong thế gian, đều là tánh thanh tịnh bản nhiên của Như Lai tạng, làm sao bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi như núi, sông, đất liền, thứ lớp đời đời, trước sau quanh lộn?

Lại Đức Như Lai nói bốn đại địa, thủy, hỏa, phong, bản tánh viên mãn dung hòa, hiện bày cùng khắp pháp giới, vắng lặng thường trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu tánh của địa đại cùng khắp, sao lại dung được thủy đại, nếu tánh của thủy đại cùng khắp thì hỏa đại không thể phát sinh, làm sao lại phát minh hai tánh của thủy đại và hỏa đại đều cùng khắp hư không, không diệt lẫn nhau? Bạch Thế Tôn! Tánh của địa đại là ngăn ngại, tánh của hư không là rộng suốt, làm sao hai đại ấy lại đều hiện bày cùng khắp pháp giới? Con nay không biết nghĩa ấy do đâu, xin Phật phát tâm đại từ, vén mây mê lầm cho con và đại chúng.

Tôn giả Mãn-từ nói lời ấy rồi, nắm vốc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ vi vô thượng của Đức Như Lai.

*** Chú thích:**

Tôn giả Mãn-từ nêu hai câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất, trình bày chỗ nghi về bốn khoa ấm, nhập, xứ, giới, nếu bốn khoa ấy đều là tánh thanh tịnh bản nhiên Như Lai tạng, chứ không phải là nguyên nhân sinh ra phiền não như các kinh Tiểu thừa thường dạy, thì các pháp hữu vi “thế giới, chúng sinh, nghiệp quả” đều không có nguyên nhân, nhưng không lẽ tánh thanh tịnh bản nhiên, lại sinh ra các pháp hữu vi sinh diệt tiếp tục.

Câu hỏi thứ hai, trình bày cái nghi về bảy đại: Nếu bản tánh các đại đều viên dung cùng khắp, thường trụ không thay đổi, thì khi địa đại cùng khắp, sao còn có thủy đại được, khi thủy đại cùng khắp, thì hỏa đại không thể sinh, lại địa đại thì ngăn ngại, hư không thì rộng suốt, ngăn ngại và rộng suốt trái ngược lẫn nhau làm sao lại có thể đều cùng khắp pháp giới?

Tất cả hai điều nghi này đều do pháp chấp đương còn, không nhận được tất cả sự vật đều biến hiện như huyễn, như hóa, không có thật thể,

và chính vì các sự vật đều duyên khởi như huyễn, nên thật chất của nó, vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Đoạn 3: Phật Hứa Chỉ Bày Thắng Nghĩa, Bảo Trong Chúng Lăng Nghe

Chánh văn:

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Phú-lâu-na và các vị A-la-hán dứt hết các lậu là bậc vô học trong hội:

- Ngày nay Như Lai khắp vì chúng hội này chỉ bày tánh chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến cho nơi chúng hội này, những hàng định tánh Thanh văn và hết thảy các bậc A-la-hán, chưa được hai pháp nhân không pháp không, phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chân chánh, thiết thực không xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa. Ông hãy nghe kỹ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Tôn giả Phú-lâu-na kính vâng pháp âm của Phật, lắng lắng vâng nghe.

*** Chú thích:**

Trong đoạn này, Phật hứa chỉ bày tánh chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa. Tất cả lời Phật dạy đều là thắng nghĩa, nhưng trong các thắng nghĩa, cũng có cao thấp khác nhau, ước lượng có thể chia ra bốn thứ thắng nghĩa là:

1. Thắng nghĩa thế gian, phân tích ra năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới v.v...

2. Thắng nghĩa đạo lý, dạy về bốn đế: khổ, tập, diệt, đạo.

3. Thắng nghĩa thật chứng dạy về nhị không chân như, tức là phá trừ ngã chấp và pháp chấp mà chứng chân như.

4. Thắng nghĩa thắng nghĩa, dạy về nhất chân pháp giới, về pháp giới tánh, tức là Đệ nhất nghĩa đế mà Phật đương chỉ dạy. Vậy tánh chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa, tức là Đệ nhất nghĩa đế. Chỉ trong Đệ nhất nghĩa đế thì các pháp, dầu Thánh hay phàm, mới đều là bình đẳng, mới là cảnh giới toàn vọng là chân, cảnh giới tịch diệt nhất thừa, trong ấy cái xao động và cái không xao động đều như như bình đẳng, nên thiết thực không xao động.

Đoạn 4: Nêu Bản Tánh Đế Chỉ Rõ Căn Nguyên Hư Vọng

Chánh văn:

Phật dạy:

- Phú-lâu-na! Như ông vừa nói: Đã là bản nhiên thanh tịnh, làm

sao bỗng nhiên lại sinh ra có núi sông, đất liền. Vậy ông không thường nghe Như Lai chỉ dạy: Tánh giác là diệu minh, bản giác là minh diệu, hay sao?

Tôn giả Phú-lâu-na bạch:

- Thưa Thế Tôn, vâng! Con thường nghe Phật chỉ dạy nghĩa ấy.

Phật bảo:

- Ông bảo cái giác là minh, là vì bản tánh nó là minh, nên gọi nó là giác, hay là vì giác được cái không minh, mà gọi là minh giác?

Tôn giả Phú-lâu-na bạch:

- Nếu cái không minh đó mà gọi là giác, thì nó không minh được cái gì.

Phật dạy:

- Nếu không có sở minh là không có minh giác, thì có sở không phải là giác, mà không sở lại không phải là minh, và không minh thì lại không phải là giác tánh trạch minh (vắng lặng, sáng tỏ). Vậy tánh giác chắc là minh, do vọng tưởng mà làm ra có minh giác. Giác không có gì là sở minh, nhân có minh mà lập ra thành sở, đã giả dối lập ra có sở, mới sinh ra cái năng hư vọng của các ông.

*** Chú thích:**

Để đáp câu hỏi thứ nhất của Tôn giả Phú-lâu-na, Phật nhắc lại một câu mà Phật thường dạy là: Tánh giác là diệu minh, bản giác là minh diệu. Câu này ý nghĩa rất sâu xa, hàng Nhị thừa chỉ lãnh hội được một phần, chứ chưa lãnh hội được toàn bộ ý nghĩa.

Tự tánh chúng sinh là giác, không phải vô tri như cây, như đá, nên gọi là tánh giác. Tánh giác ấy là diệu, nghĩa là duyên khởi ra các sự vật và minh, nghĩa là nhận biết các sự vật. Tánh giác thường diệu thường minh, cái diệu của tánh giác luôn luôn là minh, nên gọi là tánh giác diệu minh.

Còn bản giác là đối với thủy giác mà nói. Chúng sinh mê lầm, ở nơi tánh giác, chỉ theo cái minh, mà không biết cái diệu, nhận cái minh làm giác, nên cái diệu hóa thành cái sở minh, hình như ở ngoài cái giác. Năng, sở đã thành lập, thì vọng chấp ngày càng nhiều, do đó, theo trần cảnh mà phân biệt, mà tạo nghiệp, tự cột mình trong vòng sinh diệt. Đến khi được nghe pháp Phật, chúng sinh nương theo bản tánh mà tinh tiến tu hành, lúc minh mà còn là diệu nữa gọi là thủy giác. Thủy giác trông về tánh giác, gọi tánh giác là bản giác, nghĩa là giác tánh bản lai sẵn có của mình, bản giác ấy thường minh và thường diệu, cái minh luôn luôn hợp cái diệu chứ không phải tách rời cái diệu như trong lúc

mê lầm, nên gọi là bản giác minh diệu.

Rồi Phật hỏi Tôn giả Phú-lâu-na: Khi ông nhận cái giác là minh, lại là vì bản tánh nó là minh, nên gọi là giác, hay là vì giác được cái không minh, mà gọi là minh giác, nghĩa là cái giác sáng suốt đã trừ diệt vô minh.

Theo pháp chấp của Tiểu thừa, Tôn giả Phú-lâu-na đáp lại: Tâm tánh của chúng sinh đầy nhầy vô minh, không thể gọi là giác, vì nó không sáng suốt và luôn luôn bị phiền não mê lầm ràng buộc.

Như vậy Tôn giả Phú-lâu-na chẳng những không thừa nhận chúng sinh sẵn có tánh giác diệu minh, mà còn nhận lầm các minh giác của Tiểu thừa là giác tánh. Phật đã bác lời Tôn giả Phú-lâu-na: Nếu cần có sở minh mới có minh giác, thì theo chỗ ông đã rõ, hễ đã có sở thì không phải là giác, nhưng cũng theo lời ông nói, nếu không có sở thì không phải là minh. Như thế, cái minh giác của ông không thành lập được. Vả lại, tâm tánh chúng sinh khác với cỏ cây, đâu phải là không minh. Vậy tánh giác chắc là minh, do vọng tưởng chấp thật có chân, thật có vọng, mới tạo ra cái minh giác của ông. Giác tánh vốn tự minh, tự diệu, không có gì đáng gọi là sở minh, chỉ vì nhân có minh mà giả dối lập ra thành sở, nên mới giả dối sinh ra cái năng minh của chúng sinh.

Đoạn 5: Chỉ Tướng Nguyên Nhân Của Thế Giới Sự Vật, Hư Không Và Chúng Sinh

Chánh văn:

Trong tánh không đồng, không khác nổi dậy thành ra có khác, khác với cái khác kia, nhân cái khác đó mà lập thành cái đồng. Phát minh cái đồng, cái khác rồi, nhân đó mà lập ra cái không đồng, không khác. Rồi loạn như vậy, đối đãi với nhau sinh ra tư duy, suy xét, tư duy suy xét mãi phát ra trần tượng, tự làm vẩn đục lẫn nhau, do đó, đưa đến những trần lao phiền não. Nổi lên thì thành thế giới, hư không là đồng, thế giới là khác, cái không đồng, không khác kia, thật là pháp hữu vi.

**** Chú thích:***

Thế là trong tánh giác không có năng, có sở, lập ra thành có năng minh, sở minh, và trong tánh giác không có đồng, có khác kia, bỗng nhiên thành ra có khác. Rồi cái gì khác với những cái đã cho là khác, gọi nó là đồng. Nhân có đồng, có khác, lại lập ra cái không đồng, không khác. Những cái đồng cái khác, cái có, cái không, đối đãi với nhau, rối loạn mãi mãi, sinh ra

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,

vọng tưởng, phát ra trần cảnh, làm cho tánh giác trở thành ô nhiễm, đi đến phát sinh những trần lao phiền não. Thế rồi,

khi nổi lên đối đãi, hóa thành thế giới sự vật, khi lặng yên không đối đãi, hóa thành hư không, hư không gọi là đồng, thế giới gọi là khác, còn cái thức phân biệt cái đồng, cái khác kia, gọi là cái không đồng, không khác. Cái thức phân biệt đó, thật là pháp hữu vi, là then chốt tạo ra thế giới, chúng sinh, nghiệp quả.

Trong đoạn này, Phật nương theo chỗ chứng ngộ của các bậc Nhị thừa để chỉ cho chúng ta thấy nguyên nhân phát sinh ra các pháp hữu vi, có sinh, có diệt. Các vị Nhị thừa, tuy đã trừ diệt câu sinh ngã chấp, chứng quả A la hán, không thấy có ai chứng đạo nữa, nhưng vì còn pháp chấp, nên vẫn còn thấy thật có vô minh phải trừ, thật có đạo quả giải thoát phải chứng, do đó, vẫn chưa trừ hết được cái tướng của trí năng chứng và của quả sở chứng. Chính vì các vị có năng, sở như thế, nên cũng còn mắc cái lỗi lấy minh làm giác, mặc dầu đã chứng được đạo quả vô sinh. Như thế là các vị Nhị thừa tu nhân giải thoát, chứng quả giải thoát, chứ chưa đến then chốt của nhân quả.

Song cũng chính do không giác ngộ then chốt nhân quả như thế, lấy cái minh làm cái giác như thế, nên chúng sinh mới theo nghiệp mà chịu báo, chìm đắm mãi mãi trong bể sinh tử. Vậy cái minh giác của vị Nhị thừa, tuy có khác với cái minh giác chấp ngã của chúng sinh, nhưng vẫn giống nhau ở chỗ lấy minh làm giác, chia ra có năng, có sở và không giác ngộ chân tánh như như của pháp giới. Vì thế nên Phật từ cái minh giác của các vị Nhị thừa, chỉ ra cái minh giác của chúng sinh và dạy cho biết đó là nguyên nhân chủ yếu của các pháp hữu vi.

Khi nghe Phật dạy về đoạn này, chúng ta tưởng chừng như cái mê phát sinh ra có thứ, có lớp, từ cái không mê đến cái mê ít, rồi từ cái mê ít đến cái mê nhiều. Sự thật thì không phải như thế: Tất cả các điều hư vọng đều khởi lên một lúc với cái bất giác, nghĩa là cái tâm niệm sai lầm chia ra có năng, có sở nơi nhất chân pháp giới. Đã mê, toàn thể là mê, đã ngộ, toàn thể là ngộ, thật không có thứ lớp, trước sau. Nhưng trong lúc biết mình mê, tu hành theo chánh pháp để trừ cái mê, tùy theo phương pháp tu tập, cái mê sẽ được diệt trừ từng bước, từ cái mê thô thiển, lần lần đến những cái mê sâu kín. Do trong lúc phát trừ mê lầm, có từng bước, có từng lớp như vậy, nên Phật mới chỉ dạy sự diễn biến của mê lầm, từ sâu đến cạn, để cho chúng ta dễ hiểu, chứ không phải cái mê thật có từng lớp, trước sau, sự thật thì chỉ có những cái mê dễ trừ và những cái mê khó trừ hơn mà thôi. Đến khi chứng nhập pháp giới tánh thì toàn vọng là chân, ngộ cũng không còn, mê đâu thật có và mới thấy rõ nguyên nhân vì đâu

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,
mà giả dối hóa ra có vọng tưởng, có sinh diệt.

Đoạn 6: Chỉ Ba Tướng Kết Quả Tiếp Tục**Chánh văn:**

Cái giác thì sáng suốt, cái hư không thì không hay biết, hai cái đối đãi với nhau, thành có lay động, cho nên có phong luân nắm giữ thế giới. Nhân cái hư không, mà sinh ra có lay động, phát minh tánh cứng, thành có ngăn ngại, các loại kim bảo đều do minh giác lập ra tánh cứng, cho nên có kim luân nắm giữ cõi nước. Biết cái cứng, thành có kim bảo, rõ cái lay động, phong đại phát ra, phong đại và kim bảo cọ xát nhau, cho nên có hỏa đại làm tánh biến hóa. Ngọn lửa xông lên, kim bảo sinh ra tánh ướt, cho nên có thủy luân trùm khắp các cõi nơi mười phương. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát hiện, mà lập thành tánh cứng, chỗ ướt là bể lớn kia, chỗ khô là gò nổi kia, do cái nghĩa ấy, trong bể lớn kia, hơi nóng thường bốc lên, trong gò nổi kia, sông ngòi thường chảy xuống. Thế nước kém thế lửa, kết thành núi cao, vậy nên đá núi đập thì có tia lửa, nấu thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, rút ra thành cỏ cây, vậy nên rừng rú bị đốt thì thành đất, vắt ra thì có nước.

Vọng tưởng giao xen phát sinh, xoay vần làm chủng tử cho nhau, do nhân duyên ấy mà thế giới tiếp tục.

Lại nữa, Phú-lâu-na! Vọng tưởng chẳng phải gì khác, do tánh giác minh hóa ra lầm lỗi, cái sở minh (đối tượng được minh) hư vọng đã lập, phạm vi của cái năng minh (chủ thể minh) không vượt khỏi được. Do nhân duyên ấy, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, sáu cái vọng: sắc, hương, vị, xúc v.v... đã thành lập, do đó chia ra có thấy, nghe, hay, biết.

Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp, mà ly, mà thành, mà hóa. Cái thấy phát minh, các sắc phát ra, nhận rõ nơi sự thấy, thành có tư tưởng, rồi ý kiến khác nhau, thành ra ghét, tưởng niệm đồng nhau, thành ra yêu. Lan cái yêu ra, thành hạt giống, thâm nạp tưởng niệm, thành ra cái thai, giao xen phát sinh, hấp dẫn đám đồng nghiệp, nên có nhân duyên sinh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v... Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh hay hóa sinh là tùy phần sở ứng (đối tượng được ứng hợp). Noãn chỉ do tưởng niệm mà sinh, thai thì nhân ái tình mà có, thấp sinh thì cơ cảm mà hợp lại, còn hóa sinh thì phân ly mà ứng hiện. Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau, nên các loài chịu nghiệp báo cũng theo đó mà lên xuống, do nhân duyên ấy chúng sinh tiếp tục.

Phú-lâu-na! Tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời, những cha mẹ con cháu trong thế gian sinh nhau

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,
không ngớt,

đám nầy lấy đục tham làm gốc. Lòng tham, lòng yêu giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi, các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, đám nầy thì lấy sát tham làm gốc, lấy thân người ăn con dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loài chúng sinh chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, nghiệp ác cùng sinh ra tội đời vị lai, đám nầy thì lấy đạo tham làm gốc.

Người nầy mắc nợ thân mạng người kia, người kia trả nợ cũ cho người nầy, do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong đường sống chết. Người nầy yêu cái tâm người kia, người kia ưa cái sắc người nầy, do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc, chỉ có ba thứ sát, đạo, dâm làm gốc, và vì nhân duyên đó, nghiệp quả tiếp tục.

Phú-lâu-na! Ba thứ tiếp tục điên đảo ấy đều do tánh sáng suốt rõ biết của giác minh, nhân rõ biết phát ra có tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp sinh ra, các tướng hữu vi như núi, sông, đất liền thứ lớp dời đổi, đều nhân cái hư vọng đó, mà xoay vần sau trước.

*** Chú thích:**

Sau khi chỉ rõ nguyên nhân của các pháp hữu vi là do không giác ngộ pháp giới tánh, vọng tưởng phân biệt mà thành, Phật chỉ dạy về kết quả của sự mê lầm ấy, gây ra có thế giới, chúng sinh, nghiệp quả.

Thế giới sự vật không ngoài bốn đại: Địa, thủy, hỏa, phong. Pháp giới duyên khởi có những hiện tượng vô lượng vô biên, nhưng nhận biết là phong, là địa, là hỏa, là thủy, đều do tâm thức.

Như phong đại là gió, tượng trưng cho sức lay động vô hình. Vô hình là hư không, vốn không có tri giác, không hề biết thế nào là lay động, thế nào là không lay động, chỉ vì cái tâm phân biệt, theo nghiệp đối đãi với hiện tượng nào đó, phát minh ra như thế là lay động, nên mới có phong đại, làm cái động lực nắm giữ thế giới.

Địa đại cũng là thứ vô tri vô giác, không tự biết mình là hữu hình hay vô hình, là lỏng hay là cứng, chỉ vì giác tánh phân biệt, theo nghiệp phát minh ra tánh cứng, lập ra sự ngăn ngại, nên mới có địa đại như đất, đá, cùng khắp thế giới. Theo bốn đại chủng tánh thì tánh ngăn ngại, choán một phần không gian, gọi là chủng tánh của địa đại. Như thế thì chẳng những đất là địa đại, mà tất cả cái gì choán một phần không gian, như các thứ cực

vi trong nước trên hư không, cũng là địa đại.

Phong đại lay động, địa đại ngăn ngại, chà xát lẫn nhau, nên mới sinh ra hỏa đại. Hỏa đại không phải chỉ là lửa, tất cả các sự nóng lạnh

đều thuộc về hỏa đại. Đến một chừng mực nào, hỏa đại có thể làm cho sự vật thay đổi từ hiện tượng này sang hiện tượng khác, do đó, nên chủng tánh của hỏa đại là tánh biến hóa.

Sức nóng lên cao, những thứ, trước kia là cứng, lại chảy ra nước, lưu hành từ nơi này sang nơi khác, không ở yên một chỗ, đó là thủy đại. Nhưng trái với cái tướng nước của thủy đại có chỗ nhất định, cái chủng tánh của thủy đại là tánh lưu hành, nơi nào cũng có, do đó, nên gọi thủy đại cùng khắp pháp giới.

Bốn đại ảnh hưởng lẫn nhau giữa hư không vô hình tạo thành hình tướng của thế giới. Lửa thì thường bốc lên, nước thì thường sa xuống, giữa chỗ hai bên giao tiếp với nhau, lập thành có chất cứng, tức là địa đại tạo ra hình dáng của thế giới.

Chỗ sâu nước dồn xuống gọi là bể, chỗ cao đất nổi lên gọi là gò, nhưng nơi bể lớn, hơi nóng vẫn thường bốc lên, trên gò nổi, sông ngòi vẫn thường chảy xuống. Chỗ nào thế của hỏa đại bốc lên mạnh hơn thế của thủy đại, thì đất nổi lên thành núi cao, nhưng trong lúc ấy, lấy hai viên đá trên núi đập vào với nhau, vẫn phát ra tia lửa, còn nếu nấu các thứ đá kia, nó vẫn chảy thành nước. Chỗ nào thế địa đại kém thế thủy đại, đất hóa ra mềm, có cây mọc lên, song các thứ cây khi bị đốt thì thành ra đất, khi vắt ra thì vẫn có nước.

Xét như vậy nên biết bốn đại cùng khắp mỗi nơi, tùy theo nhân duyên mà phát sinh những hiện tượng khác nhau, nhưng đâu đâu cũng đều có chủng tánh bốn đại.

Theo vọng tưởng phân biệt mỗi loài mà có hiện trạng bốn đại của mỗi loài. Các đại giao xen hòa hợp, làm nhân, làm duyên cho nhau, tạo thành thế giới của mỗi loài, khi thành, khi trụ, khi hoại, khi không, tiếp tục không dứt.

Còn chúng sinh bản lai là tánh giác, đâu có sinh diệt, chỉ vì lầm lạc riêng nhận cái minh làm giác, nên nơi tánh diệu minh, cái diệu liền thành sở minh, còn cái minh biến thành năng minh, và đã là năng minh thì phải bị hạn chế, không thể ra ngoài phạm vi của sở minh được. Do nhân duyên ấy, khi đã có sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, làm hoàn cảnh sở minh, thì cái năng minh cũng chia ra sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, và mỗi căn chỉ đối riêng với mỗi trần, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không ra ngoài sắc, không thể thay thế nhau được. Thế là chúng sinh nhận một thân thể, làm cái căn thân của mình để đối đãi với nhau sự vật, thân thể giống nhau thì phân biệt hoàn cảnh cũng giống nhau, gọi là đồng nghiệp với nhau, như người ta, đồng một nghiệp

người thì cảm giác như nhau, hiểu biết như nhau, quan hệ giữa người và người hóa thành mật thiết. Các loài đồng nghiệp gắn bó với nhau, hấp dẫn lẫn nhau, sinh ra mãi không thôi, do đó mới có thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh.

Như có năng kiến (chủ thể nhận thấy) tất phải có sở kiến (đối tượng nhận thấy), rồi do năng kiến duyên với sở kiến mà có tưởng niệm nhận biết các tướng của sự vật, đối với các căn khác cũng như vậy. Rồi tưởng niệm khác nhau, ý kiến trái nhau, nên thành ra ghét, tưởng niệm giống nhau, ý kiến hợp nhau, nên thành ra ưa. Do tưởng niệm giống nhau, ưa thích lẫn nhau, nên chúng sinh đồng nghiệp giao tiếp với nhau, hấp dẫn đám đồng nghiệp khác, đó là nhân duyên sinh ra thai bào và con cái. Ưa ghét là nguyên nhân quan trọng của luân hồi, chúng sinh có thân nào thì gắn bó với thân ấy, muốn sống mãi với thân ấy, nhưng sinh mạng có hạn, đến khi phải chết thì luyến tiếc không cùng.

Chính cái thói quen ưa sống, ghét chết ấy, là sức mạnh tiềm tàng đưa đi thọ sinh theo nghiệp báo. Các loài chúng sinh, khi thì thai sinh, khi thì hóa sinh, không có nhất định. Những giống thai sinh, noãn sinh, do ái tình tưởng niệm mà có, những giống thấp sinh, hóa sinh là do hợp lại, ly ra mà thành. Chúng sinh tùy theo nghiệp báo, mà xoay vần trong tứ sinh, khi lên, khi xuống, đó là nhân duyên làm cho chúng sinh tiếp tục mãi mãi.

Nghiệp là nhân, báo là quả. Nghiệp là những việc làm của thân thể, của lời nói, của ý nghĩ. Như người nầy mắc nợ thân mạng người kia, như người kia trả lại nợ trước cho người nầy, như người nầy yêu người kia, người kia mến người nầy, do những duyên nợ như thế mà chúng sinh tự ràng buộc mình mãi mãi trong ba cõi. Sát, đạo, dâm là ác, không sát, đạo, dâm là thiện. Ác, thì bị ác báo lôi xuống, thiện, thì được thiện báo đưa lên, chúng sinh gây nghiệp, khi thiện, khi ác, xen lẫn nhau, liên tục chịu quả báo, nổi chìm mãi mãi trong sáu nẻo.

Nhưng hiện tượng thế giới, chúng sinh nghiệp quả tiếp tục như thế, không phải gì khác, chính là do tánh minh của bản giác duyên khởi ra. Chúng sinh không giác ngộ bản tánh, chỉ nhận cái mình làm giác, nên cảnh giới duyên khởi hóa thành sở minh. Đối lại với cảnh sở minh, cái tánh minh lại hóa thành năng minh. Năng minh cột vào sở minh sinh ra vọng tưởng, chấp có thật ngã, thật pháp, rồi theo nhân duyên mà sinh ra có thân, có cảnh, có nghiệp chung, có nghiệp riêng, do đó, mới có những hiện tượng thế giới, chúng sinh, nghiệp quả tiếp tục mãi mãi.

Đoạn 7: Chỉ Rõ Giác Không Sinh Mê

Chánh văn:

Tôn giả Phú-lâu-na bạch:

- Nếu cái diệu giác đó, bản tánh là diệu minh, cùng với tâm Như Lai không thêm, không bớt, mà không biết cứ gì bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi như núi, sông, đất liền? Vậy Như Lai hiện nay đã chứng được bản giác diệu minh, không có phân biệt, đến lúc nào lại sinh ra núi sông, đất liền và các tập lậu hữu vi?

Phật bảo Tôn giả Phú-lâu-na:

- Ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm phương Nam làm phương Bắc, thì cái mê ấy lại là nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra?

Tôn giả Phú-lâu-na bạch:

- Người mê như vậy, cũng không nhân mê, cũng không nhân ngộ. Vì sao? Mê, vốn không có gốc, làm sao lại nhân mê? Còn ngộ, không phải cái sinh ra mê, làm sao lại nhân ngộ?

Phật dạy:

- Người mê kia chính trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ. Phú-lâu-na! Ý ông nghĩ thế nào? Người ấy giải trừ được cái mê đi, đối với xóm làng đó còn có sinh mê nữa không?

- Thưa Thế Tôn! Không.

- Phú-lâu-na! Như Lai nơi mười phương cũng như vậy. Cái mê đó không có gốc, tánh nó rốt ráo là rỗng không, xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê, có giác, giác được cái mê, cái mê diệt và giác không sinh ra mê.

Cũng như người lòa thấy hoa đốm giữa hư không, nếu trừ được bệnh lòa, hoa đốm nơi hư không diệt mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hư không mà hoa đốm kia đã diệt rồi, lại mong đợi hoa đốm sinh lại. Ông xét người ấy là ngu hay là trí tuệ?

Tôn giả Phú-lâu-na bạch:

- Hư không vốn không có hoa đốm, vì hư vọng mà thấy có sinh diệt, thấy hoa đốm diệt mất nơi hư không đã là điên đảo rồi, lại còn muốn bảo sinh lại thật ra là điên đại, làm sao còn gọi người điên như vậy là ngu hay là trí tuệ?

Phật dạy:

- Ông hiểu như vậy làm sao còn hỏi tánh giác diệu minh, không có phân biệt của chư Phật Như Lai, lúc nào lại sinh ra núi, sông, đất liền.

Lại như quặng vàng lộn với vàng ròng, khi vàng đã luyện thành ròng rồi thì không xen lộn được nữa, cũng như cây đã đốt ra tro thì

không thành cây được nữa, Bồ-đề Niết-bàn chư Phật Như Lai cũng như vậy.

*** Chú thích:**

Tôn giả Phú-lâu-na nghe lời Phật dạy, nhận biết chỗ chứng của Phật là vi diệu, bình đẳng với tánh giác của chúng sinh, không thêm không bớt, lại nghi chúng sinh sẵn có tánh giác, không duyên cớ gì lấy mình làm giác, sinh ra các tướng hữu vi, vậy Như Lai hiện đã thật chứng tánh giác ấy, đến lúc nào cũng lại sinh ra bất giác và các tướng hữu vi?

Tôn giả Phú-lâu-na hỏi như vậy, vì còn nhận cái mê là có thật, không biết nó chỉ là cái nhận thức sai lầm, không có thật thể, do đó, ông chưa nhận biết chúng sinh có giác tánh bình đẳng như Phật và cũng chưa nhận biết chỗ chứng của Phật là toàn vọng toàn chân, sinh tử và Niết-bàn đều bình đẳng, không hai không khác.

Đáp lại câu hỏi của Tôn giả Phú-lâu-na, Phật đã đưa ra nhiều ví dụ để chỉ cho ông rõ, một khi đã chuyển được nhận thức mê lầm thành nhận thức đúng đắn rồi, không thể nào còn sinh ra mê lầm được nữa. Ví như một người ở trong một xóm, nhận lầm phương Nam làm phương Bắc, người ấy tuy lầm nhưng người ấy vẫn là người ấy, làng xóm vẫn là làng xóm, phương hướng cũng không vì cái lầm của người đó mà có thay đổi. Đến khi được có người chỉ cho biết sự lầm lạc, người ấy nhận phương hướng đúng rồi, tuy cảnh vật, thân thể trước sau như nhau, nhưng người ấy quyết định không thể còn lầm phương Nam làm phương Bắc nữa. Cái lầm như vậy không có căn cứ, hề biết được là lầm, thì hết lầm và không thể nào còn lầm lại được.

Lại như người bị bệnh lòa, thấy giữa hư không có hoa đốm, hoa đốm do bệnh lòa mà có, chứ không phải thật có, đến khi chữa hết bệnh lòa, thì hoa đốm thấy có hoa đốm sinh ra và diệt mất giữa hư không đã là sai lầm lắm rồi, huống nữa lại còn muốn cho những người con mắt hết lòa thấy lại hoa đốm giữa hư không. Tất cả các pháp hữu vi đều do cái bệnh bất giác biến thành, không phải thật có, khi hết bệnh bất giác, muốn tìm cái gì là hữu vi cũng không thể được, huống nữa lại còn sinh ra các tướng hữu vi.

Lại như vàng ròng lộn trong đá mỏ, đến khi đã luyện thành vàng ròng, thì không thể còn lộn với đá được, các Đức Phật cũng đã từng bị mê lầm, làm cho tánh giác diệu minh bản lai thường trụ hình như phải luân hồi trong sáu nẻo, nên đến khi diệt trừ mê lầm, chứng nhập pháp giới tánh, thì không thể nào còn để cho

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,
vọng tưởng xen lộn được nữa.

Lại như cây đã đốt ra tro thì không thể đâm chồi mọc lá. Các Đức Phật đã giác ngộ hoàn toàn, diệt trừ tận gốc những điều mê lầm sinh diệt, làm sao còn sinh ra được các pháp hữu vi?

Nói tóm lại, chúng sinh tuy có giác tánh như Phật, không thêm không bớt, nhưng vì không nhận được giác tánh thường diệu thường minh, nên phải chìm nổi trong sáu nẻo, chử Phật nhận rõ và trừ hết cội gốc của mê lầm, nên tuy vẫn là giác tánh đó, không thêm không bớt, nhưng đã thật chứng giác tánh, diệu dụng y như giác tánh rồi, quyết định không thể còn mê lầm được nữa.

Đoạn 8: Chỉ Các Đại Có Thể Dung Nhau

Chánh văn:

Phú-lâu-na! Ông lại hỏi về địa, thủy, hỏa, phong, bản tánh viên mãn dung hòa, hiện bày cùng khắp pháp giới, nghi sao tánh nước, tánh lửa lại không lấn nhau, diệt nhau, nêu ra hư không và địa đại đều cùng khắp pháp giới, lẽ ra không dung được nhau.

Phú-lâu-na! Ví như hư không, bản thể không phải các tướng, mà không ngăn cản các tướng phát huy. Vì sao? Phú-lâu-na! Nơi hư không kia, mặt trời soi thì sáng, mây kéo thì tối, gió lay thì động, trời tạnh thì trong, hơi đọng thì đục, bụi nổi thì mù, nước đứng thì ánh. Ý ông nghĩ thế nào? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, nhân các cái kia sinh ra, hay nhân hư không mà có? Phú-lâu-na! Nếu như do các cái kia sinh ra, thì khi mặt trời soi đã là mặt trời sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không lại còn thấy mặt trời tròn. Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi lấy, làm sao lúc giữa đêm mây mù lại không sinh ra sáng chói. Vậy nên biết cái sáng đó không phải mặt trời, không phải hư không và cũng không ra ngoài hư không và mặt trời. Xét cái tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày, cũng như muốn hoa đốm hư không kết thành quả hư không, làm sao còn gạn hỏi cái nghĩa lấn diệt lẫn nhau? Xét cái tánh vốn là chân, chỉ là tánh giác diệu minh, tánh giác diệu minh vốn không phải là nước hay là lửa, làm sao còn hỏi về nghĩa không dung được nhau?

Bản tánh diệu minh chân thật cũng như vậy. Ông phát minh cái hư không, thì có hư không hiện ra: địa, thủy, hỏa, phong, mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra, nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra.

Thế nào là cùng hiện ra? Phú-lâu-na! Như trong một chỗ có

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,

nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người đồng xem mặt trời trong nước, rồi một người đi phương Đông, một người đi phương Tây, hai bên đều có mặt

trời theo mình cùng đi, một cái về phương Đông, một cái về phương Tây, không có chuẩn đích nhất định. Không nên gạn hỏi, mặt trời đó là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Các mặt trời đã thành hai, làm sao trước kia chỉ hiện ra có một? Hư vọng quanh lộn như thế, không thể lấy gì làm bằng cứ.

*** Chú thích:**

Đáp lại câu hỏi của Tôn giả Phú-lâu-na về bốn đại, nghi bản tánh bốn đại trái ngược lẫn nhau, làm sao lại có thể đều cùng khắp pháp giới, Phật đã lấy hư không làm ví dụ. Chính nơi hư không, khi mặt trời soi thì sáng, nửa đêm mây phủ thì tối, tạnh ráo thì trong suốt, bụi nổi thì mù mịt v.v... Các tướng sai khác như thế, hiện ra trong hư không, nhưng hư không không có tánh, vốn không phải là các tướng ấy.

Ví như lúc mặt trời soi thì hư không sáng. Nếu cái sáng đó là sắc tướng của mặt trời, thì toàn thể hư không đã thành sắc tướng mặt trời, làm sao lại còn thấy được mặt trời tròn ở giữa hư không. Nhưng nếu cái sáng ấy là sắc tướng của hư không, vì sao khi không có mặt trời, hư không lại không sáng, xét như vậy nên biết hư không theo duyên của mặt trời mà hóa thành có sáng, và cái sáng như vậy không phải mặt trời, không phải hư không, đồng thời cũng không ra ngoài hư không và mặt trời.

Như Lai tạng tánh cũng như vậy. Như Lai tạng tánh bản lai không tịch, không hề thay đổi, nhưng lại chí chân chí diệu, theo duyên mà hiện ra các sự vật như huyền như hóa. Tuy Như Lai tạng tánh theo duyên mà hiện ra các sự vật như huyền như hóa, nhưng vẫn không hề, vì những tướng huyền hóa kia mà mất tánh không tịch, không thay, không đổi.

Xét về các tướng, thì các tướng vốn là hư vọng như hoa đốm giữa hư không, theo duyên mà biến đổi như huyền như hóa, không thể chỉ đích là cái gì cả, như đồng một không khí, đồng một hồ nước, người xuống dưới nước thì chết đuối, cá lên trên bờ thì nghẹt thở, nơi nào là nơi không thở được. Về đại, thủy, hỏa, phong, cũng như vậy. Con giun chui lên mặt đất, gặp ánh sáng mặt trời thì lăn ra chết, vì không chịu nổi sức nóng ấy, ngược lại, có những sinh vật nấu sôi đến một trăm độ mà vẫn không chết. Bốn đại theo duyên mà biến hiện như huyền như hóa, nên không cần hỏi vì sao không lẫn diệt lẫn nhau.

Nhưng mặt khác, xét về tánh, thì bốn đại cũng như tất cả sự vật đều là pháp giới tánh đều là tánh diệu chân như Như Lai tạng, theo duyên mà biến hiện, pháp giới tánh đâu phải là nước hay là lửa, làm sao lại không dung được nhau.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Pháp giới tánh duyên khởi trùng trùng vô tận, tất cả duyên ra thành một, một duyên ra thành tất cả, vì thế nên mỗi khi tâm niệm đổi thay, pháp giới tánh cũng theo duyên của tâm niệm ấy mà thay đổi. Tâm phát minh ra hư không thì có hư không hiện ra, phát minh ra địa thủy, hỏa, phong thì có địa, thủy, hỏa, phong hiện ra, nếu phát minh tất cả thì tất cả đều hiện ra. Lại nếu nhiều tâm niệm cùng phát minh như nhau, thì sự vật cũng đều hiện ra như nhau.

Như hai người đứng gần nhau trên một hồ nước, cùng thấy một cái bóng mặt trời dưới nước, thế là hai người cùng một lập trường, đều trông thấy như nhau. Đến khi một người đi về phương Đông, một người đi về phương Tây, mỗi người đều thấy một mặt trời đi theo mình, không có gì là nhất định cả, luôn luôn đối đãi với tâm niệm mà biến hiện như thế, nên không cần gạn hỏi bóng mặt trời đó trước kia là một, sao lại hóa thành hai, mỗi bóng đi theo mỗi người, hoặc mỗi người đã có cái bóng mặt trời của mình, sao khi đứng gần nhau lại chỉ thấy có một? Sự vật duyên khởi như huyền như hóa tùy theo tâm niệm, không thể lấy gì làm bằng cứ.
